

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 701/2025/HC-PT  
Ngày 05 tháng 6 năm 2025  
V/v Hành vi hành chính trong lĩnh vực  
quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Tám

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thanh

Ông Vũ Đức Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Úc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 107/2025/TLPT-HC ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc khiếu kiện Hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3005/2025/QĐPT-HC ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

**Đại diện theo ủy quyền:** Bà Phan Hồng T1, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số E N, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2023). (có mặt)

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Luật sư Lê Thành Đ, Chi nhánh văn phòng L, đoàn luật sư thành phố C. (có mặt)

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ: Số B N, Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Ông Nguyễn Hoàng S - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C và ông Phạm Trường A – Viên chức BQLDA. (có mặt)

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1981. Địa chỉ: 439/84/1 H, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Ông Bùi Văn Đ1, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

4. Chị Bùi Nguyễn Kim H, sinh năm 2006. Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

Người kháng cáo, kháng nghị: Ủy ban nhân dân huyện C; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 02/11/2023 người khởi kiện bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T, sử dụng hợp pháp phần diện tích 109,5m<sup>2</sup> đất ở nông thôn thuộc thửa số 3, tờ bản đồ MDTC9 tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06242 do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/5/2017 cho tôi đứng tên sử dụng.

Ngày 24/8/2020, UBND huyện C ban hành Thông báo thu hồi đất số 352/TB-UBND: Thu hồi của tôi phần diện tích 61,2m<sup>2</sup> đất (trong tổng diện tích 109,5m<sup>2</sup> đất ở nông thôn), thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ MDTC9 tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Lý do thu hồi: Để thực hiện Dự án mở rộng một số cầu trên Quốc lộ A đoạn qua tỉnh Tiền Giang. Tiềm dự án cầu M thuộc xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31/12/2021, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 6167/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi tiết kinh phí phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án mở rộng một số cầu trên Quốc lộ A đoạn qua tỉnh Tiền Giang. Hạng mục: mở rộng cầu M, địa điểm: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và biên bản niêm yết công khai (kèm theo).

Đã thực hiện bồi thường cho tôi phần diện tích 18,60m<sup>2</sup> / 61,2m<sup>2</sup> với số tiền 158.434.800 đồng. Còn lại diện tích đất 43,1m<sup>2</sup> không thực hiện bồi thường đúng theo phần diện tích đất bị thu hồi.

Tôi không đồng ý về việc thực hiện phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư của UBND huyện C nên tôi đã nhiều lần khiếu nại, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường cho tôi giá trị diện tích đất bị thu hồi còn lại chưa thực hiện bồi thường là 43,1m<sup>2</sup> cho tôi đúng theo phần diện tích đất bị thu hồi.

Ngày 28/12/2022, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C ban hành Công văn trả lời đơn số 109/BQLDA&PTQĐ-KNĐG trả lời phần diện tích 43,1m<sup>2</sup> đất của tôi vào năm 2005 do ông Trần Văn N1 đứng tên sử dụng do bị ảnh

hưởng bởi dự án Quốc lộ A nên đã bị thu hồi phần diện tích 40m<sup>2</sup> và ông Trần Văn N1 đã nhận tiền bồi thường (Hiện ông Trần Văn N không còn giữ giấy nhận tiền).

Đến năm 2009, ông N bán lại cho em vợ là bà Quan Thị Thu T3. Sau đó bà T3 bán lại cho tôi sử dụng cho đến khi bị giải tỏa bởi dự án cầu M. Nhận thấy, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C ban hành Công văn trả lời đơn của tôi với nội dung nhận định như trên là không đúng; bởi nếu phần diện tích 40m<sup>2</sup> của ông Trần Văn N trước đây bị Nhà nước thu hồi thì lý do gì ông N có phần diện tích đất nêu trên để bán cho em vợ là bà Quan Thị Thu T3, sau đó bà T3 bán lại cho tôi quản lý, sử dụng đến nay. Và khi thực hiện đăng ký biến động đất đã thực hiện đo đạc và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi đồng thời tôi trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 2017 đến khi bị thu hồi đất mà không ai tranh chấp.

Vì những lý do nêu trên, chúng tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện áp giá bồi thường phần diện tích 43,1m<sup>2</sup> đất bị thu hồi chưa thực hiện bồi thường theo biên bản niêm yết công khai, đơn giá 8.518.000 đồng/m<sup>2</sup>. Thành tiền 367.125.800 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm đồng).

Ngày 19/6/2024 người khởi kiện Nguyễn Thị T khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định thu hồi đất đối với phần diện tích 43,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 3, tờ bản đồ MDTC9 tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Tại công văn số 3989/UBND-NC ngày 29/12/2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:*

1. Đối với việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu thực hiện áp giá bồi thường phần diện tích 43,1m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số MDTC9 bị thu hồi chưa thực hiện bồi thường theo biên bản niêm yết công khai, đơn giá 8.518.000 đồng/m<sup>2</sup>, thành tiền 367.125.800 đồng.

Khi thực hiện Dự án mở rộng một số cầu trên Quốc lộ A đoạn qua tỉnh Tiền Giang, hạng mục: Mở rộng cầu M, địa điểm ấp M, xã M, huyện C, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C lập biên bản niêm yết công khai, đơn giá 8.518.000 đồng/m<sup>2</sup>, thành tiền 367.125.800 đồng (phần diện tích đất 43, 1m<sup>2</sup>). Sau đó, khi rà soát lại thì xác định phần diện tích đất 43,1m<sup>2</sup> đã được ông Trần Văn N nhận tiền bồi thường khi bị ảnh hưởng Dự án mở rộng Quốc lộ A (ông Trần Văn N nhận 02 lần (lần 1 vào năm 2005 và lần 2 năm 2008), kèm 02 phiếu chi). Do đó, ngày 28/12/2022, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C ban hành Công văn số 109/BQLDA&PTQĐ-KNDG về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị T, có nội dung việc hộ bà cho rằng bồi thường chưa đủ diện tích đất bị thu hồi và đề nghị xem xét bồi thường 42,6m<sup>2</sup> đất ở (theo phiếu kết quả đo đạc là 43,1m<sup>2</sup>) là không có cơ sở để thực hiện.

Như vậy, việc hộ bà Nguyễn Thị T yêu cầu thực hiện áp giá bồi thường phần diện tích 43,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số MDTC9 là không có cơ sở để thực

hiện do phần diện tích đất 43,1 m<sup>2</sup> đã được ông Trần Văn N nhận tiền bồi khi bị ảnh hưởng Dự án mở rộng Quốc lộ A.

2. Liên quan Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH06242, tại thửa đất số 3, tờ bản đồ MDTC9, diện tích 109,5m<sup>2</sup>, cấp ngày 16/5/2017 cho hộ bà Nguyễn Thị T.

Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 256301, số vào sổ cấp GCN: CH06242 do UBND huyện cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T ngày 16/5/2017, tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số MDTC9, diện tích 109,5m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, có 43,1m<sup>2</sup> đất chồng lên phần đất đã bồi thường Dự án Mở rộng Quốc lộ A năm 2005.

Ngày 21/12/2023, UBND huyện đã ban hành Công văn số 3923/UBND-NC giao Phòng T4 chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu trình tự, thủ tục thu hồi để điều chỉnh diện tích và cấp lại đúng theo quy định.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T2 trình bày:* Trước đây tôi có phần đất diện tích 107m<sup>2</sup> đất toạ lạc tại ấp M, xã M, huyện C, phần đất này tôi nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn N với giá 150.000.000 đồng vào năm 2006. Ông N chưa được cấp giấy chứng nhận mà chỉ làm giấy tay chuyển nhượng cho tôi, lúc tôi mua đất trên đất đã có căn nhà. Đến năm 2015 tôi bán lại cho chị T căn nhà và phần đất diện tích 107 m<sup>2</sup> với giá 300.000.000 đồng chỉ làm giấy tay không có công chứng chứng thực do tôi cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, tôi không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N trình bày lời khai vào ngày 25/3/2024 như sau:*

Nguồn gốc phần đất thuộc thửa số 3, tờ bản đồ MDTC9 hiện do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận, trước đây là đất của tôi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2005 nhà nước mở rộng Quốc lộ A có thu hồi đất của tôi chiều ngang khoảng 5,2m; chiều dài khoảng 5m so với Quốc lộ A cũ, đến hàng ba nhà tôi. Tôi đã nhận tiền đền bù, tôi không nhớ rõ khoảng 7-8 triệu đồng. Khoảng vài năm sau tôi bán đất cho bà Nguyễn Thị Thu T2 bằng giấy tay. Tôi có đến UBND xã làm. Lúc tôi bán đất có căn nhà, cây trên đất chưa xây dựng biến cố. Tôi bán phần đất còn lại cho bà T2, sau đó bà T2 bán lại cho bà T.

Diện tích đất mà Nhà nước thu hồi thì tôi không nhớ, chỉ nhớ đến hàng ba căn nhà tôi lúc đó. Diện tích đất của tôi trước khi Nhà nước thu hồi khoảng 100 m<sup>2</sup>.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Đ1 trình bày lời khai vào ngày 06/8/2024 như sau:*

Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị T, đã ly hôn vào năm 2022. Trước khi ly hôn, hai vợ chồng có mua lại phần đất này của chị T2 với diện tích 109,5m<sup>2</sup> vào năm 2015. Năm 2019 nhà nước giải tỏa làm lộ và cầu nhưng không bồi thường nên bà T khởi kiện yêu cầu UBND bồi thường là đúng theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Nguyễn Kim H trình bày lời khai vào ngày 06/8/2024 như sau:

Tôi là con gái của bà Nguyễn Thị T. Tôi đồng ý với ý kiến của bà T và ông Bùi Văn Đ1.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:*

Căn cứ Điều 30, 32, 116, 158, 164 điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 3 Điều 12 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, Điều 62, 75 Luật đất đai, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc UBND huyện C phải thực hiện hành vi hành chính ban hành Quyết định thu hồi diện tích đất 43,1m<sup>2</sup> thuộc thửa số 3, tờ bản đồ MDTC9 tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được UBND huyện Cái Bè Cấp ngày 16/5/2017.

Buộc UBND huyện C thực hiện nhiệm vụ, công vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 43,1m<sup>2</sup> thuộc thửa số 3, tờ bản đồ MDTC 9 tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được UBND huyện Cái Bè Cấp ngày 16/5/2017 theo quy định.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện C chịu 300.000 đồng án phí hành chính - sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0000001 ngày 07/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 9 năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện C có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T; Ngày 02/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có quyết định kháng nghị, yêu cầu hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho Ủy ban nhân dân huyện C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, vì diện tích bà T khởi kiện đã được thu hồi năm 2005. Do nhầm lẫn trong khâu kiểm tra khi bà T yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Ủy ban nhân dân huyện C lại cấp diện tích đất đã thu hồi, hiện nay giấy chứng nhận đã cấp cho bà T đã bị thu hồi.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T đề nghị giữ y án sơ thẩm vì diện tích đất 43,1m<sup>2</sup> bà bị ảnh hưởng khi bị thu hồi chưa được đền bù và diện tích đất này bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, không hủy án sơ thẩm mà sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của người bị kiện. Sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Người bị khởi kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật. Về việc xét xử vắng mặt đối với người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt đối với người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C không đồng ý bồi thường 43,1m<sup>2</sup> cho bà Nguyễn Thị T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào Biên bản bồi thường ngày 25/3/2005 thể hiện ông Trần Văn N bị thu hồi 81,7m<sup>2</sup> và theo ông Trần Văn N xác định đã nhận tiền đền bù giải tỏa, đất của ông bị thu hồi tới “hàng ba căn nhà của tôi”. Như vậy, trước khi ông N chuyển nhượng đất cho bà T3 thì diện tích đất của ông N đã bị thu hồi đất với diện tích 81,7m<sup>2</sup> do bị ảnh hưởng bởi dự án mở rộng quốc lộ A đoạn T - M.

[2.2] Lời trình bày của bà T xác định nguồn gốc đất bà T được cấp giấy chứng nhận nêu trên do chuyển nhượng của bà Quan Thị Thu T3 và bà T3 chuyển nhượng của ông Trần Văn N1 là đúng với thực tế. Khi chuyển nhượng các bên chỉ lập đồng viết tay với nhau, sau đó bà T hợp thức hoá và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2017 với diện tích 109,5m<sup>2</sup> đất ở nông thôn thuộc thửa số 3, tờ bản đồ MDTC9 tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang có cạnh hướng Bắc giáp với Quốc lộ A.Nhựa.

[2.3] Ngày 16/5/2017, bà Nguyễn Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 109,5m<sup>2</sup> đất ở nông thôn thuộc thửa số 3, tờ bản đồ MDTC9 tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06242 và diện tích đất bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cạnh hướng Bắc giáp với Quốc lộ A.Nhựa. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện C

khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T đã thiếu sót, không kiểm tra diện tích đất ông N đã bị thu hồi trước khi chuyển nhượng cho người khác.

[2.4] Tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/12/2021 (BL 31) xác định: thửa đất số 3 tờ bản đồ 09 diện tích 112,2m<sup>2</sup> ( diện tích trên giấy 109,5m<sup>2</sup>). Diện tích thu hồi đoạn C -Mở rộng Quốc lộ A, Tiền Giang năm 2005: 43,1m<sup>2</sup>; Diện tích trong công trình: 18,6m<sup>2</sup>; Diện tích còn lại: 49,5m<sup>2</sup>. Như vậy, tại Phiếu xác nhận kết quả nêu trên có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị T đã thể hiện trong giấy chứng nhận của bà T được cấp có diện tích đất 43,1m<sup>2</sup> đã thu hồi năm 2005 và bà T còn xác nhận việc ông Trần Văn N đã nhận tiền đền bù đất nên không yêu cầu bồi thường diện tích 43,1m<sup>2</sup>.

[2.5] Ngày 11/3/2024, Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 2638/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T ngày 16/5/2017 với lý do Giấy chứng nhận đã cấp không đúng diện tích đất.

[2.6] Từ các căn cứ tại đoạn [2.1] đến [2.5], Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi thực hiện Dự án mở rộng một số cầu trên Quốc lộ A đoạn qua tỉnh Tiền Giang, hạng mục: Mở rộng cầu M, địa điểm ấp M, xã M, huyện C, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C lập biên bản niêm yết công khai, đơn giá 8.518.000 đồng/m<sup>2</sup>, thành tiền 367.125.800 đồng (phần diện tích đất 43, 1m<sup>2</sup>). Sau đó, khi rà soát lại thì phát hiện diện tích đất 43,1m<sup>2</sup> của bà T đã được ông Trần Văn N nhận tiền bồi thường khi bị ảnh hưởng Dự án mở rộng Quốc lộ A năm 2005 (ông Trần Văn N nhận 02 lần, lần 1 vào năm 2005 và lần 2 năm 2008). Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C không thực hiện việc thu hồi đền bù diện tích 43,1m<sup>2</sup> cho bà Nguyễn Thị T là có căn cứ. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là chưa phù hợp. Ủy ban nhân dân huyện C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ nên được chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

[3] Về án phí: Án phí hình chính sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ, Ủy ban nhân dân huyện C không phải chịu; Án phí hành chính phúc thẩm các bên không phải chịu nên Ủy ban nhân dân huyện C được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 30, 32, 116, 158, 164 điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 3 Điều 12 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất,

Điều 62, 75 Luật đất đai, Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc buộc UBND huyện C phải thực hiện hành vi hành chính ban hành Quyết định thu hồi diện tích đất 43,1m<sup>2</sup> thuộc thửa số 3, tờ bản đồ MDTC9 tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được UBND huyện Cái Bè Cấp ngày 16/5/2017.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện C không phải nộp; bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng, bà T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000001 ngày 07/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang nay được chuyển thu án phí.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện C không phải chịu, H1 lại cho Ủy ban nhân dân huyện C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000365 ngày 26/9/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

4. Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ, đã dự nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT, UMTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Tám**